

Số: 67 /TB-THQT

"V/v công bố công khai thuyết minh,
số liệu thực hiện dự toán ngân sách
nhà nước Quý I- năm 2021 "

Mạo Khê, ngày 05 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Tiểu học Quyết Thắng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách Quý I- năm 2021 của trường Tiểu học Quyết Thắng

Nhà trường thông báo công bố công khai thuyết minh, số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I- năm 2021 theo biểu đánh giá thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý I- năm 2021 và thuyết minh chi tiết dự toán Quý I- năm 2021 ngày 05/4/2021

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường

Địa điểm niêm yết:

- + Bảng tin phòng hội đồng trường Tiểu học Quyết Thắng.
- + Địa chỉ trang điện tử: Thqt@dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu

Đông Triều, ngày 05 tháng 04 năm 2021

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ I NĂM 2021**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm

Trường Tiểu học Quyết Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý IV năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
2	Thu sự nghiệp khác	679,912,500	679,912,500		
2.1	Nước uống				
2.2	Tin học	39,496,500	39,496,500		
2.3	Tiêng Anh NNN	138,090,000	138,090,000		
2.4	Tiền ăn + Chắt đốt	352,462,000	352,462,000		
2.5	Tiền CSBT	136,472,000	136,472,000		
2.6	Tiền Kỹ Năng Sống				
2.7	Chăm sóc SKBD				
2.8	Tiền vệ sinh chung	13,392,000	13,392,000		
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
4	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
5	Hoạt động sự nghiệp khác	667,918,250	667,918,250		

5.1	Nước uống				
5.2	Tin học	38,913,348	38,913,348		
5.3	Tiếng Anh NNN	131,296,160	131,296,160		
5.4	Tiền ăn + Chất đốt	348,126,600	348,126,600		
5.5	Tiền CSBT	136,190,142	136,190,142		
5.6	Tiền Kỹ Năng Sống				
5.7	Chăm sóc SKBD				
2.8	Tiền vệ sinh chung	13,392,000	13,392,000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	5,309,000,000	1,488,856,510		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,309,000,000	1,488,856,510		
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>4,624,000,000</u>	<u>1,015,503,972</u>		
	Mục 6000: Tiền lương	2,258,596,600	520,024,901		
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	14,680,400			
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1,508,940,000	353,118,313		
	Mục 6200: Tiền thưởng	20,000,000			
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	25,000,000	1,830,000		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	796,783,000	139,353,658		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		1,177,100		
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>655,000,000</u>	<u>421,396,538</u>		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	50,000,000	55,890,138		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80,000,000	107,939,200		
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	25,000,000	5,016,000		
	Mục 6650: Hội nghị	15,000,000	9,120,000		
	Mục 6700: Công tác phí	40,000,000	3,370,000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	70,000,000	36,578,700		
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	155,000,000	44,755,000		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	70,000,000	63,480,000		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên	150,000,000			

	môn của từng ngành		89,647,500		
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		5,600,000		
3	Các khoản chi khác	30,000,000	51,956,000		
	Mục 7750: Chi khác	30,000,000	51,956,000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		-
	Phụ cấp lương				
	Học bổng , hỗ trợ khác cho học sinh sinh viên...				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Chi thuê mướn				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				-

Lập biểu

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Cúc

Lê Thị Thu